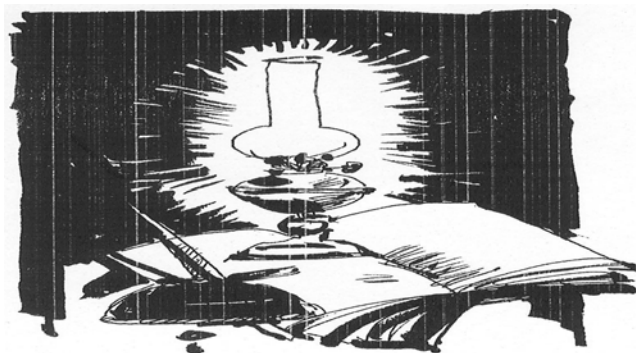


NGHIÊN CỨU LUẬT PHÁP:

# QUYỀN PHÁ THAI

Tạ-quốc-Tuấn



Đi liền với quyền sinh dục và quyền ngừa thai là quyền phá thai, một vấn đề từ lâu đã gây ra nhiều tranh luận ở Hoa-kỳ. Sự tranh luận đó bắt nguồn từ việc cân nhắc giữa quyền của thai nhi và quyền của người đàn bà lựa chọn có muốn mang thai hay không. Mặc dù Aristotle chủ trương rằng phá thai sớm, “*trước khi quan năng và sự sống bắt đầu*”, có thể sử dụng được “*khi vợ chồng có quá nhiều con*” (**Politics**, quyển VII, chương 16), giáo hội Công-giáo đã cấm phá thai trong mọi trường hợp.

## I. Luật Lệ Về Quyền Phá Thai ở Hoa-kỳ Trước Năm 1973

Ở Hoa-kỳ, việc phá thai thường được cho phép cho tới thời gian khi người mẹ lần đầu tiên cảm thấy cái thai động đậy (trong Anh ngữ gọi là “*the time of quickening*”), thường là vào khoảng tháng thứ 4 hay thứ 5 của thời kỳ thai nghén. Tuy việc phá thai sau giai đoạn này là một tội hình sự, nhưng chính người mang thai không phải là mục tiêu của sự trừng phạt.

Năm 1821, Connecticut là tiểu bang đầu tiên ban hành một pháp qui về phá thai, cấm sự kích thích phá thai bằng thuốc độc, để bảo vệ sức khỏe của người mẹ. Chính các y sĩ đã dẫn đầu phong trào ủng hộ việc trừng phạt hình sự mọi việc phá thai này, bởi vì số người mang thai chết vì những vụ phá thai do những người không phải là y sĩ thực hiện rất cao.

Tuy nhiên, mặc dù trong thế kỷ thứ 19 nhiều pháp qui tiểu bang đã được ban hành để giới hạn việc phá thai (từ năm 1821 cho tới năm 1868 khi Tu Chính Án thứ 14 được chấp thuận đã có ít nhất là 36 pháp qui tiểu bang giới hạn sự phá thai), nhưng những pháp qui này ít được cưỡng hành, do đó những vụ phá thai bất hợp pháp vẫn thường được thực hiện.

Thái độ này của các tiểu bang trong những thập niên đầu thế kỷ thứ 20 đã thay đổi và nhiều tiểu bang cho phép phá thai do một y sĩ có chấp chiếu (licensed physician) thực hiện khi cần để giữ mạng sống hay sức khỏe của người mang

thai. Lúc đó những trường hợp cứu mạng sống là người mang thai mắc bệnh lao, các bệnh tuần hoàn, bệnh thận, bệnh nôn mửa ác tính. Nhưng đến thập niên 1960, y khoa đã tiến bộ nhiều, cho thấy những bệnh này hiếm khi cướp mạng sống của phụ nữ. Từ đó, việc phá thai càng ngày càng ít được dùng với lý do để cứu mạng sống hay duy trì tình trạng sức khỏe của người mẹ; trái lại, đại đa số những vụ phá thai là vì những nguyên nhân khác. Để bảo vệ vị trí hợp pháp của mình, các y sĩ đã trở thành một lực lượng hoạt động tích cực và mạnh mẽ để giải phóng sự phá thai.

Luật lệ về phá thai đã được cưỡng hành mạnh mẽ trong thập niên 1950. Tới thập niên 1960, thái độ của công chúng cũng như của các nhà lập pháp đối với sự phá thai lại chịu ảnh hưởng của phong trào giải phóng tính dục, nhất là khi người ta lo ngại sâu rộng các tật nguyên của trẻ sơ sinh do bệnh phong chẩn (German measles) gây ra, hay là do việc người mẹ trong lúc mang thai đã dùng thuốc thalidomide. Vấn đề phá thai một lần nữa lại được đưa lên hàng đầu, khiến cho y giới và công chúng đòi hỏi cải tổ luật phá thai.

Năm 1967, nước Anh đã ban hành Luật Phá Thai. Cũng trong thời kỳ này, một số tiểu bang ở Hoa-kỳ (như: California, Colorado, Maryland, North Carolina, v.v.) bắt đầu giải tỏa các pháp qui hình sự của tiểu bang để cho phép phá thai trong ba trường hợp: (a) khi sự tiếp tục mang thai có thể làm hại tới sức khỏe và tinh thần của người mẹ; (b) khi người con sinh ra có thể mang những tật nguyên nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần; hay (c) khi sự thụ thai là kết quả của sự hãm hiếp hay loạn luân.

Tuy vậy, 21 trong số 36 pháp qui giới hạn việc phá thai như đã nói ở một đoạn bên trên vẫn còn hiệu lực cho tới những thập niên gần đây, kể cả pháp qui của tiểu bang Texas (ban hành lần đầu tiên năm 1857) mà TCPVHK đã vô hiệu hóa năm 1973 (sẽ nói tới trong phần II bên dưới). Trong khi những pháp qui qui định việc phá thai này đòi hỏi một cách tổng quát là việc phá thai phải được một ủy ban y sĩ duyệt xét, thì tiểu bang New York đã ban hành luật cho phép phá thai theo yêu cầu.

Mặc dù có sự giải tỏa này, nhiều người phụ nữ không được phép phá thai một cách hợp pháp bởi vì còn có nhiều sự hạn chế, tình trạng quan liêu, và thiếu nguồn tài chính.

## **II. Phán Quyết Roe v. Wade Xác Nhận Quyền Phá Thai**

Năm 1973 TCPV Hoa-kỳ lần đầu tiên xác nhận quyền phá thai trong vụ *Roe v. Wade*, 410 U.S. 113, 93 S. Ct. 705, 35 L. Ed. 2d 147 (1973).

Trong vụ này, TCPVHK đã bác một pháp qui hình sự của tiểu bang Texas (các điều khoản §§ 1191-1194 và 1196 bộ Hình Luật Texas) cấm việc phá thai, coi đó là một tội hình sự, ngoại trừ “*việc phá thai do y sĩ thực hiện hay khuyến cáo thực hiện vì mục đích, khi cần, để cứu mạng người mẹ.*” TCPV nhận thấy pháp qui này đã xâm phạm quyền tư sự của phụ nữ, vi phạm Điều Khoản Thủ Tục Chính Đáng của Tu Chính Án thứ 14.

Phán quyết đã khai triển giải thích trước kia về Điều Khoản Thủ Tục Chính Đáng trong đó gồm cả quyền sinh dục cơ bản, quyền tư sự căn bản đối với việc quyết định có nên chấm dứt sự mang thai không.

Theo TCPV Hoa-kỳ, tuy Hiến pháp Liên bang Hoa-kỳ không minh thị đề cập đến quyền tư sự, nhưng qua một số phán quyết, có thể nói là từ phán quyết *Union Pacific R.R. Co. v. Botsford, 141 U.S. 250, 251, 11 S. Ct. 1000, 35 L. Ed. 734 (1891)*, TCPV đã công nhận rằng một quyền tư sự cá nhân, hay một sự bảo đảm về vài phương diện hay địa hạt của tư sự, đã có trong Hiến pháp, như trong Tu Chính Án thứ 1, trong Tu Chính Án thứ 4 và thứ 5, trong các bản ảnh của Điều Chương Dân Quyền, trong Tu Chính Án thứ 9, hay trong quan niệm về tự do do đoạn 1 của Tu Chính Án thứ 14 bảo đảm.

Những phán quyết này cho thấy rõ ràng là chỉ có các quyền cá nhân là có thể coi là “*căn bản*” hay “*mặc thị trong quan niệm tự do có trật tự*” là được bao gồm trong sự bảo đảm quyền tư sự này và còn cho thấy rõ ràng quyền tư sự cá nhân nối dài tới những hoạt động có liên quan tới hôn nhân, tới quyền sinh dục, tới các quan hệ gia đình, và tới việc nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

Tòa phán rằng:

“*Quyền tư sự này, dù là đặt nền tảng trên quan niệm tự do cá nhân của Tu Chính Án thứ 14 và hạn chế các hành động của tiểu bang, mà bản Tòa nghĩ là có, hay, như Tòa Địa Phương Liên Bang đã xác định, trên sự bảo lưu các quyền cho nhân dân trong Tu Chính Án thứ 9, khá rộng rãi để bao hàm cả quyết định của một phụ nữ có nên chấm dứt sự thai nghén hay không. Sự phương hại mà tiểu bang áp đặt lên một phụ nữ mang thai bằng cách phủ nhận hoàn toàn sự lựa chọn này rất rõ ràng. Sự tổn hại đặc biệt và trực tiếp do việc có thể chẩn bệnh theo y học ngay cả trong giai đoạn sơ khởi của thai nghén cũng có thể có liên hệ. Sự sinh dục hay thêm con cái có thể áp đặt lên người phụ nữ một cuộc sống hay tương lai khổ sở, bất hạnh. Sự tổn hại về tâm lý có thể là cấp bách. Việc chăm nom săn sóc con cái có thể làm hại tới sức khỏe tinh thần và thể xác... Đối với những người có quan hệ, lại còn có nỗi thống khổ có liên hệ tới người con không muốn có, và có vấn đề sinh con vào trong một gia đình vốn đã không có thể, về phương diện tâm lý và những phương diện khác, chăm nom săn sóc được rồi.*”

*Trong những trường hợp khác, như trong vụ này, còn có thể thêm những khó khăn khác và sự si nhục tiếp tục đối với người mẹ không kết hôn. Tất cả những điều đó là những yếu tố mà người phụ nữ và y sĩ hữu trách của bà ta phải cứu xét khi tham khảo với nhau.”*

Tòa kết luận rằng quyền tư sự bao gồm cả sự quyết định phá thai. Tuy nhiên, theo Tòa, quyền này không phải là không có hạn chế, nên cần phải được cân nhắc với những lợi ích quan trọng của tiểu bang trong việc phòng hộ sức khỏe của người mẹ, việc duy trì các tiêu chuẩn y khoa, và việc bảo vệ một mạng sống có thể có nữa.

TCPVHK chủ trương rằng khi “*các quyền căn bản*” có liên hệ, pháp lệnh hạn chế những quyền này chỉ có thể biện minh bằng một “*lợi ích của tiểu bang không thể không thực hiện được.*”

Đối với việc người bị thương tố và một vài người hiệp trợ pháp viện giải quyết vấn đề (*amicus curiae*) trong vụ này lập luận rằng bào thai là một “*người*” (*person*) theo ngôn từ và ý nghĩa của Tu Chính Án thứ 14, TCPVHK phán rằng Hiến pháp không có nhiều định nghĩa về “*người*”.

Đoạn 1 của Tu Chính Án thứ 14 ba lần nói tới “*người*”. Lần thứ nhất khi định nghĩa “*công dân*” là “*những người sinh hay thủ đắc quốc tịch ở Hoa-kỳ*”. Từ “*người*” còn được nói tới trong Điều Khoản Thủ Tục Chính Đáng và trong Điều Khoản Bảo Vệ Bình Đẳng. Tuy từ “*người*” còn được dùng ở một vài nơi khác trong Hiến pháp nữa, nhưng, theo Tòa, “*trong hầu hết tất cả những trường hợp này, việc dùng từ này chỉ có thể áp dụng cho [người] sau khi sinh ra thôi. Không có trường hợp nào chỉ chứng một cách chắc chắn rằng nó được dùng trước khi [người] được sinh ra.*”

Theo TCPVHK, tất cả những điều này cùng với nhận xét của Tòa, cho thấy là từ “*người*”, như được dùng trong Tu Chính Án thứ 14, không bao gồm cả kẻ chưa sinh, nghĩa là cái thai.

Đối với lập luận của tiểu bang Texas rằng, ngoài Tu Chính Án thứ 14 ra, sự sống bắt đầu khi thụ thai và hiện hữu suốt trong thời kỳ thai nghén và vì vậy tiểu bang có một lợi ích không thể không thực hiện trong việc bảo vệ sự sống đó từ lúc và sau khi thụ thai, TCPVHK tuyên bố là Tòa không cần giải quyết nan đề sự sống bắt đầu từ lúc nào. Tòa phán rằng:

*“Khi những người được huấn luyện trong các lãnh vực y học, triết học và thần học không thể đi đến một sự đồng thuận nào thì cơ quan tư pháp, trong giai*

đoạn hiện tại của việc phát triển tri thức của con người, không có thể đưa ra một giải đáp nào cả.”

Đoạn Tòa phán rằng “*một pháp qui hình sự phá thai của tiểu bang thuộc loại như pháp qui hiện nay của Texas, chỉ miễn trừ tội hình sự một thủ tục **cứu mạng sống** cho người mẹ, mà không quan tâm đến tình trạng thai nghén và không nhìn nhận các lợi ích có liên quan khác, vi phạm Điều Khoản Thủ Tục Chính Đáng của Tu Chính Án thứ 14.*” (nhấn mạnh trong phán quyết)

Tòa đã đề ra một hệ thống tam cá nguyệt cân nhắc các lợi ích và chạm nhau căn cứ vào giai đoạn thai nghén có liên hệ (a trimester system of balancing the competing interests based on the stage of the pregnancy involved).

Trong tam cá nguyệt thứ nhất, sự quyết định của người phụ nữ có nên phá thai hay không là một quyết định y khoa giữa bà ta và y sĩ của bà, hoàn toàn riêng tư và được bảo vệ không bị tiểu bang can thiệp.

Trong tam cá nguyệt thứ hai, quan tâm của tiểu bang đối với sức khỏe của người mẹ có tính cách ức chế và tiểu bang có quyền qui định thủ tục phá thai bằng những cách thức có liên quan hợp lý tới việc bảo vệ sức khỏe của người mẹ.

Vì TCPVHK lý luận rằng sinh mạng có thể có được chỉ có tư cách được Hiến pháp bảo vệ trên căn bản năng lực sinh tồn (viability), thường được coi là xảy ra ở tam cá nguyệt thứ ba, nên Tòa cho rằng bào thai phải được bảo vệ trong giai đoạn này và quan tâm của tiểu bang trong việc bảo vệ thai nhi trở nên có tính cách cưỡng bách. Tiểu bang có thể qui định và có thể cấm việc phá thai, trừ phi để bảo trì mạng sống hay sức khỏe của người mẹ.

Phán quyết *Roe v. Wade* không làm cho cả hai phe phản đối và ủng hộ việc phá thai hoàn toàn thỏa mãn.

Các người chủ xướng việc phá thai (thường được gọi là “pro-choice” advocates) đã chỉ trích biện pháp lựa chọn năng lực sinh tồn làm điểm từ đó tiểu bang có thể cấm phá thai. Họ cho rằng sự hiện hữu của các thủ tục phá thai có thể bị phá hoại khi các nghiên cứu y khoa và khoa học đẩy lui điểm năng lực sinh tồn hơn nữa về tới thời gian bắt đầu thụ thai.

Còn những người phản đối việc phá thai (thường được gọi là “pro-life” advocates) lên án là phán quyết *Roe v. Wade* đã hợp pháp hóa sự phá thai. Họ tin rằng sự sống bắt đầu từ lúc thụ thai và mọi sự phá thai đều là diệt trừ một sự sống.

Dù sao thì quyền tư sự là trung tâm điểm của phán quyết *Roe v. Wade*. Không có quyền này thì một người phụ nữ không có một lợi ích nào được Hiến pháp bảo đảm chống lại lợi ích của tiểu bang trong việc bảo vệ một sự sống có thể có được. Mặc dù quyền tư sự có tính cách quan trọng, đa số các thẩm phán TCPVHK trong vụ *Roe v. Wade* chỉ giả định là quyền tư sự hiện hữu, nhưng không làm gì mấy để lập nên một học thuyết về sự giải thích bằng hiến pháp để bênh vực cho sự tin tưởng của họ là quyền tư sự hiện hữu. Tuy thẩm phán Blackmun viện dẫn nhiều phán quyết để biện hộ cho quan điểm của ông, ông chỉ nói phớt qua thuyết bán ảnh (penumbra theory) vì nó có liên quan tới phán quyết *Griswold v. Connecticut*, 381 U.S. 479, 85 S. Ct. 1678, 14 L.Ed. 2d 510 (1965), và ông chỉ đề cập tới Tu Chính Án thứ 9 đối với ý kiến đồng ý của thẩm phán Goldberg trong vụ này.

Mặt khác, phán quyết *Roe v. Wade* không đưa ra một trắc nghiệm chính thức nào cho việc các tòa dưới áp dụng phán quyết khi duyệt xét sự hợp hiến của một pháp qui phá thai. Trái lại, TCPVHK đã biểu đạt quan niệm của tòa trong một phân tích tam cá nguyệt cứng nhắc để quyết định xem chính phủ có lợi ích không thể không hành động trong việc bảo vệ sức khỏe của người phụ nữ hay của bào thai hay không.

Điều đáng chú ý là mặc dù TCPVHK không chính thức từ bỏ phân tích tam cá nguyệt mãi cho tới những năm gần đây, nhưng chỉ ít lâu sau phán quyết *Roe v. Wade* Tòa đã bắt đầu tu cải trắc nghiệm *Roe v. Wade* và thay vào đó áp dụng một trắc nghiệm hợp lý để quyết định xem một pháp qui phá thai có hợp hiến hay không. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này trong một phần sau.

### III. Quyền của Người Chồng Trong Việc Phá Thai

Trong việc phá thai có một vấn đề quan trọng là luật tiểu bang có thể đòi hỏi phải có sự đồng ý của người chồng hay người chồng phải được thông báo về quyết định phá thai của người vợ. TCPVHK đã có dịp quyết định về vấn đề này.

#### A. Có Cần Sự Đồng Ý của Người Chồng Không?

Vấn đề được đặt ra là khi quyết định chấm dứt việc thai nghén của mình, người vợ có bắt buộc phải có sự đồng ý của chồng không? Năm 1976 TCPVHK đã phân tích một cách rộng rãi quyền của người phụ nữ được phá thai trong phán quyết *Planned Parenthood of Central Missouri v. Danforth*, 428 U.S. 52, 96 S. Ct. 2831, 49 L. Ed. 2d 788 (1976) và trả lời câu thắc mắc là không.

Vụ tranh tụng xảy ra quanh việc pháp qui của tiểu bang Missouri đòi hỏi là khi người vợ muốn phá thai trong tam cá nguyệt thứ nhất của thời kỳ thai nghén thì phải có sự đồng ý bằng văn thư của người chồng, trừ phi “*sự phá thai được một y sĩ có chấp chiếu chứng thực là cần thiết để giữ mạng sống của người mẹ.*” Mo. Rev. Stat. § 3(3).

Bị kháng cáo nhân biện hộ điều § 3(3) này trên lập trường là nó được ban hành theo quan điểm của Đại Hội đồng (tức Quốc hội) tiểu bang Missouri đã “*ý thức hôn nhân là một định chế*” (Biện tố trạng của bị kháng cáo nhân 34) và bất cứ một thay đổi nào về tình trạng gia đình là một việc phải được các người phối ngẫu liên hợp quyết định.

Bị kháng cáo nhân cũng đề cập tới ảnh hưởng có thể có được của việc phá thai đối với khả năng mang thai trong tương lai của người vợ. Ngoài ra, bị kháng cáo nhân nói rằng hôn nhân bao giờ cũng có một vài hạn chế do quốc hội đặt ra, và đã viện dẫn một số thí dụ, như là: (a) ngoại tình và song hôn là hai tội hình sự; (b) luật của tiểu bang Missouri đòi hỏi một cách tổng quát là trong việc thu dưỡng một người con sinh trong hôn thú (tức là con chính thức) phải có sự đồng ý của cả hai người cha và mẹ; (c) việc một số tiểu bang đòi hỏi có sự đồng ý liên hợp tương tự đối với việc thụ thai con nhân tạo, và thân phận chính thức của người con sinh theo phương pháp này; (d) việc luật lệ của vài tiểu bang đòi hỏi phải có sự thỏa thuận của người phối ngẫu trong việc tiết trùng tự nguyện (voluntary sterilization); và (e) sự đòi hỏi đã được thiết lập từ lâu là phải có sự đồng ý của người phối ngẫu trong việc xử lý một quyền lợi đối với bất động sản.

Bị kháng cáo nhân lập luận rằng “*nhận thấy sự đồng ý của cả hai người phối ngẫu thường là cần thiết... để bắt đầu một gia đình, lập pháp viện [tiểu bang Missouri] đã quyết định là một sự thay đổi trong cơ cấu gia đình do sự tương thuận mà ra chỉ có thể chấm dứt bằng một sự tương thuận*” (Biện tố trạng của Bị Kháng Cáo Nhân 38) và rằng điều mà lập pháp viện đã làm là hành xử quyền quyết sách cố hữu của quốc hội “*đối với sự mà quốc hội tin là vì lợi ích tốt nhất của toàn thể nhân dân Missouri.*” (nt.)

Mặt khác, kháng cáo nhân lại tranh nghị rằng (a) điều 3(3) rõ ràng là đã được hoạch định để cho người chồng quyền đơn phương ngăn cản hay phủ quyết việc phá thai, dù người đó có phải là cha cái thai hay không; và (b) điều khoản này chẳng những là vi phạm phán quyết *Roe v. Wade* mà lại còn xung đột với các vụ đã được phán định khác nữa. Kháng cáo nhân còn đề cập tới tình trạng người vợ không thể lấy được sự đồng ý của người chồng bởi vì không tìm thấy người chồng ở đâu. Họ còn xác định rằng điều 3(3) mơ hồ và thái quá.

TCPVHK phán rằng tiểu bang không thể một cách hợp hiến đòi hỏi sự đồng ý của người chồng như là một điều kiện phá thai trong 12 tuần lễ đầu tiên của thời kỳ thai nghén. TCPVHK đồng ý với vị thẩm phán bất đồng ý kiến trong vụ này ở tòa dưới rằng tiểu bang không thể “*ủy thác cho người chồng quyền phủ quyết mà chính tiểu bang bị cấm tuyệt đối và hoàn toàn không được hành xử quyền này trong tam cá nguyệt đầu tiên của thời kỳ thai nghén*” và phán rằng “*rõ ràng là vì tiểu bang không thể qui định hay cấm chỉ sự phá thai trong giai đoạn thứ nhất là giai đoạn y sĩ và bệnh nhân quyết định việc phá thai, tiểu bang không thể ủy thác quyền này cho bất cứ một cá nhân nào, ngay cả người chồng, ngăn cản sự phá thai cũng trong giai đoạn này.*”

Đoạn TCPVHK phán tiếp rằng:

“*Bản Tòa không phải là không biết đến mối quan tâm và lợi ích sâu xa chính đáng mà một người chồng thương yêu và bảo vệ có trong thời kỳ thai nghén của người vợ, cũng như là sự tăng trưởng và phát triển của bào thai mà người vợ đang mang. Bản Tòa cũng không quên coi nặng tính cách quan trọng của quan hệ hôn nhân trong xã hội chúng ta.<sup>(1)</sup> Hơn nữa, bản Tòa còn nhìn nhận rằng quyết định nên hay không nên phá thai có thể có hậu quả sâu đậm đối với tương lai của bất cứ một cuộc hôn nhân nào, những hậu quả cả thể xác lẫn tinh thần, và có thể cả độc hại nữa. Mặc dù có những yếu tố này, bản Tòa không thể cho rằng tiểu bang có thẩm quyền hợp hiến cho người chồng đơn phương khả năng cấm vợ không được chấm dứt sự thai nghén của mình khi mà chính tiểu bang thiếu quyền này.<sup>(2)</sup>*”

Từ đó TCPVHK đưa ra nhận xét là:

“*... nói một cách lý tưởng thì quyết định chấm dứt sự thai nghén nên có được sự nhất trí giữa cả vợ lẫn chồng. Không một hôn nhân nào có thể được coi là hòa thuận hay thành công nếu các người phối ngẫu chia rẽ nhau về căn bản đối với một vấn đề quan trọng và sinh tử. Tuy nhiên, khó mà có thể tin được rằng mục tiêu khích lệ sự tương hỗ và tin tưởng trong một hôn nhân và củng cố quan hệ vợ chồng cùng là định chế hôn nhân lại có thể đạt được bằng cách cho người chồng quyền phủ quyết có thể hành xử vì bất cứ lý do gì hay chẳng vì lý do gì cả. Ngay dù nếu tiểu bang có năng lực ủy thác cho người chồng một quyền mà chính tiểu bang cũng không thể hành xử được thì cũng không thể nào một hành động như vậy lại có thể, như lời của các thẩm phán đa số của Tòa án Địa phương xét xử vụ này, xúc tiến 'quan tâm của tiểu bang trong việc bảo vệ sự tương hỗ trong các quyết định sinh tử cho quan hệ vợ chồng'.*”

Do đó, giữa lợi ích của người chồng và quyền tự sự của người vợ, TCPVHK đã phán quyết có lợi cho người vợ. Tòa nói rằng:



“Lẽ dĩ nhiên bản Tòa nhìn nhận là khi được sự chấp thuận của y sĩ nhưng không được sự đồng ý của chồng, người phụ nữ quyết định chấm dứt sự mang thai của mình, có thể nói là người đó đơn phương hành động. Sự thực hiển nhiên là khi vợ và chồng bất đồng ý kiến về quyết định phá thai này, quan điểm của một trong hai người phối ngẫu có thể chiếm ưu thế. Do lẽ chính người đàn bà về phương diện thể xác phải mang thai con và phải chịu ảnh hưởng trực tiếp hơn và tức khắc hơn của sự thai nghén, giữa hai lợi ích này, cán cân nghiêng có lợi cho người đàn bà.”

Đoạn Tòa thủ tiêu pháp qui của tiểu bang Missouri, kết luận rằng điều 3(3) của Luật Missouri “không nhất trí với các tiêu chuẩn tuyên bố trong phán quyết *Roe v. Wade* và [vì vậy] bất hợp hiến.”

TCPVHK nói thêm là vì lý do trên Tòa thấy không cần phải cứu xét phản đối của kháng cáo nhân cho rằng điều 3(3) mơ hồ và thái quá.

### **B. Người Chồng Có Quyền Được Thông Báo Về Quyết Định Phá Thai Không?**

Nếu sự đồng ý của người chồng đối với việc phá thai đã bị phủ nhận thì quyết định phá thai của người vợ có cần phải được thông báo cho người chồng hay không? Năm 1992 TCPVHK đã trả lời là không trong phán quyết *Planned Parenthood of Southeastern Pennsylvania v. Casey*, 505 U.S. 833, 112 S. Ct. 2792, 120 L. Ed. 2d 674 (1992).

Trong tố tụng này, năm dưỡng đường phá thai và một y sĩ (vị này vừa đại diện cho chính mình vừa đại diện cho một tập hợp các y sĩ cung cấp dịch vụ phá thai) xin tòa xét xử về 5 điều khoản của **Luật Kiểm Soát Phá Thai** (Abortion Control Act) của tiểu bang Pennsylvania ban hành năm 1982 và tu chính năm 1988, 1989. Một trong 5 điều đó<sup>(3)</sup> là điều 3209 đòi hỏi người đàn bà có hôn thú định phá thai trước khi thực hiện sự phá thai phải ký một tờ khai nói rằng bà đã thông báo cho chồng ý định phá thai của mình, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp y khoa (medical emergency) như được qui định trong điều 3208.

Phán quyết của TCPVHK đề cập tới việc Tòa án Địa phương thụ lý tố tụng này sau khi nghe một số chứng nhân chuyên môn và mở cuộc điều tra tìm sự thực về ảnh hưởng của đòi hỏi của điều 3209 đã kết luận rằng đòi hỏi của điều 3209 sẽ ngăn cản những phụ nữ nạn nhân của những vụ bạo hành trong gia đình không thể phá thai được và rằng dù **Luật Kiểm Soát Phá Thai** có qui định những ngoại lệ đối với một vài hình thức bạo hành trong gia đình, những ngoại lệ này chưa đủ. Tòa phán rằng: “*Vì tính chất của quan hệ bạo hành [trong gia đình],*

*những người phụ nữ bị bạo hành không thể nào sử dụng những ngoại lệ ... của đạo luật, bất luận là điều khoản đó có áp dụng cho họ hay không.”*

Mặt khác, TCPVHK cũng đề cập tới báo cáo về bạo hành trong gia đình do Hiệp hội Y sĩ Hoa-kỳ nghiên cứu năm 1985 và bản tóm tắt cuộc nghiên cứu được Hiệp hội xuất bản. Cuộc nghiên cứu này cho thấy hai điểm sau:

Thứ nhất, ở Hoa-kỳ trung bình trong 12 tháng có khoảng 2.000.000 phụ nữ là nạn nhân của những vụ bạo hành do người phối ngẫu nam gây ra.

Thứ hai, trong một năm qua (tức năm trước khi có cuộc nghiên cứu), cứ trong 8 người chồng thì có 1 người đã đánh đập vợ. Hiệp hội cho rằng con số này “*hết sức quá thấp*”.

Các cuộc nghiên cứu khác cho thấy bạo hành thể xác chỉ là một hình thức ngược đãi dễ thấy nhất. Ngược đãi tâm lý, nhất là cô lập hóa xã hội và kinh tế người phụ nữ cũng rất thông dụng. Nhiều nạn nhân của những vụ bạo hành trong gia đình phải sống chung với người bạo hành có lẽ bởi vì họ không thấy có một đường lối nào khác hơn. Nhiều phụ nữ bị ngược đãi sống trong một nơi tạm trú đã quay về sống với chồng phần lớn là vì họ không có nguồn lợi tức nào khác. Quay trở về sống với người bạo hành có thể nguy hiểm. Theo một thống kê của Cục Điều tra Liên bang Hoa-kỳ (Federal Bureau of Investigation), 8.8% các nạn nhân của những vụ sát nhân ở Hoa-kỳ là do chồng giết. Nói cách khác, 30% nạn nhân phụ nữ trong những vụ sát nhân là do người phối ngẫu giết.

Do đó, TCPVHK phán rằng:

*“... Trong những hôn nhân điều hòa tốt đẹp, vợ chồng bàn bạc với nhau về những quyết định cá nhân quan trọng như là có nên sinh con hay không. Tuy nhiên, có hàng triệu phụ nữ ở nước này là nạn nhân của những vụ ngược đãi thể xác và tâm lý trong tay chồng ...*

*“Vì vậy đòi hỏi người chồng phải được thông báo như vậy là có thể ngăn chặn một số đáng kể những phụ nữ không được phá thai. Nó không phải chỉ là làm cho việc phá thai trở nên khó khăn hơn hay đắt đỏ hơn; đối với nhiều phụ nữ nó sẽ là một chướng ngại trọng đại. Chúng ta không nên nhắm mắt làm ngơ trước một sự thực là con số đáng kể những phụ nữ phải sợ cho sự an toàn của mình và của con mình có thể bị cản trở không thể phá thai được chẳng khác gì tiểu bang đã đặt mọi việc phá thai ra ngoài vòng pháp luật.”*

Đoạn TCPVHK kết luận rằng:

“[Đạo luật này] thể hiện một quan điểm về hôn nhân nhất trí với qui chế phụ nữ có hôn thú của phổ thông pháp, nhưng tương phản với những hiểu biết ngày nay của chúng ta đối với hôn nhân và đối với bản chất của các quyền do Hiến pháp bảo đảm. Khi kết hôn người phụ nữ không mất quyền tự do được Hiến pháp bảo vệ. Hiến pháp bảo vệ tất cả mọi người, nam cũng như nữ, có kết hôn hay không, khỏi bị sự lạm quyền của chính phủ ngay cả khi quyền đó được dùng vì lợi ích của một thành viên trong gia đình của cá nhân. Những lý do này chứng thực kết luận của bản Tòa là [qui tắc thông báo cho người phối ngẫu] vô hiệu lực.”

Câu hỏi còn lại là liệu có thể coi sự thông báo cho người chồng sau khi việc phá thai được thực hiện là một gánh nặng cũng nghiêm trọng hay không. Sự thông báo sau khi phá thai có thể gây ra nguy cơ bạo hành trong gia đình càng lớn hơn. Thắc mắc này chưa được TCPVHK cũng như các tòa án khác đề cập tới hay xét xử nên chúng ta không rõ quan điểm của các tòa ra sao.

Mặt khác, quyền phá thai của người vợ cần phải được cân nhắc với lợi ích sinh dục của người chồng muốn biết xem người vợ này có chịu mang thai và sinh con cho mình không hay là phải đi tìm một người khác chịu làm việc này.

#### IV. Quyền Phá Thai của Vị Thành Niên

TCPVHK chẳng những là đã xác nhận quyền phá thai của những người thành niên mà còn cả quyền phá thai của những vị thành niên nữa.

Một số vấn đề có liên hệ đã được Tòa giải đáp.

##### A. Điều Kiện Có Sự Đồng Ý của Cha Mẹ

Một số pháp qui tiểu bang đòi hỏi là vị thành niên muốn phá thai cần phải có sự đồng ý của cha mẹ.

Trong vụ *Planned Parenthood of Missouri v. Danforth*, 428 U.S. 52, 96 S.Ct. 2831, 49 L.Ed 2d 788 (1976) mà chúng tôi đã trình bày trong phần III, “Quyền Của Người Chồng Trong Việc Phá Thai”, bên trên, TCPVHK đã khai triển quyền căn bản của vị thành niên muốn phá thai khi triệt tiêu một pháp qui của tiểu bang Missouri đòi hỏi phải có sự đồng ý của cha mẹ, mặc dù Tòa nhìn nhận rằng tiểu bang có những quyền rộng rãi để bảo vệ vị thành niên hơn là bảo vệ người lớn.

Lên tiếng nhân danh nhóm đa số, thẩm phán Blackmun nói rằng:

“Các quyền hiến định không thành tựu và hình thành một cách huyền diệu khi nào người ta đến tuổi trưởng thành theo qui định của tiểu bang. Các vị thành niên, cũng như thành niên, được Hiến pháp bảo vệ và sở hữu những quyền hiến định...

“Một quan tâm được người ta nêu ra là việc bảo vệ sự đồng nhất gia đình và quyền của cha mẹ. Tuy nhiên, khó mà có thể kết luận rằng việc ban cho cha mẹ quyền tuyệt đối áp chế quyết định của y sĩ và thân chủ vị thành niên chấm dứt sự thai nghén sẽ giúp tăng cường sự đồng nhất gia đình. Quyền phủ quyết đó cũng chưa chắc có thể đề cao quyền hay sự kiểm soát của cha mẹ khi mà vị thành niên và cha mẹ không đồng ý lại khác biệt nhau một cách căn bản và chính sự hiện hữu của sự thai nghén đã làm rạn nứt cơ cấu gia đình rồi. Bất cứ một lợi ích vô quan nào mà cha mẹ có thể có được trong việc chấm dứt sự thai nghén của con gái vị thành niên của họ không trọng yếu hơn quyền tự sự của vị thành niên có khả năng đủ chín chắn để mang thai.

“Bản Tòa nhấn mạnh rằng quyết định của Tòa ... không phải là có ý đề nghị rằng mọi vị thành niên, bất kể tuổi tác hay mức độ chín chắn, đều có thể đồng ý một cách hữu hiệu chấm dứt sự thai nghén ...<sup>(4)</sup> Khuyết điểm [của pháp qui đang bị tranh nghị] là pháp qui đặt để một điều khoản đồng ý đặc biệt có thể do một người không phải là người nữ và y sĩ của người đó hành xử, ù như là một điều kiện thủ yếu đối với việc vị thành niên chấm dứt sự thai nghén, và người này làm như vậy mà không có một biện minh đầy đủ nào cho sự giới hạn. Nó vi phạm các ước thúc của các phán quyết Roe và Doe.”<sup>(5)</sup>

Mặt khác, thẩm phán bất đồng ý kiến Stevens lập luận rằng:

“... điều kiện có sự đồng ý của cha mẹ nhất trí với phán quyết trong vụ Roe. Mỗi quan tâm của tiểu bang đối với phúc lợi của các công dân trẻ biện minh cho một số biện pháp bảo vệ. Vì không thể thấy trước được các hậu quả quyết định của mình, vị thành niên không thể có một hiệp nghị nào có thể chấp hành được. Vị thành niên không thể làm việc một cách hợp pháp hay đi đến nơi muốn đến, hay ngay cả không thể xem phim ảnh người lớn được hiến pháp bảo vệ. Người dưới một tuổi nào đó không thể kết hôn nếu không có sự đồng ý của cha mẹ. Thực vậy, sự đồng ý đó cần thiết ngay cả khi người nữ trẻ tuổi đã mang thai. Quan tâm của tiểu bang trong việc bảo vệ một người trẻ tuổi khỏi bị hại có thể biện minh cho việc đặt ra các hạn chế đối với tự do của người ấy, mặc dù những hạn chế tương tự đối với người lớn không được hiến pháp cho phép. Vì vậy, phán quyết trong vụ Wade rằng quyết định phá thai có quyền được hiến pháp bảo vệ chỉ là để nhấn mạnh vào tính cách quan trọng của quyết định [phá thai], chứ không thể đưa tới kết luận là luật lệ tiểu bang không có quyền ban hành pháp qui

*cho mục đích bảo vệ thiếu nữ mang thai khỏi chịu những hậu quả của một quyết định không đúng.”*

Trong cùng năm ra phán quyết nói trên, TCPVHK còn xét đến pháp qui đòi hỏi có sự đồng ý của cha mẹ trong vụ *Bellotti v. Baird* (thường được gọi là vụ *Bellotti I*), 428 U.S. 132, 96 S.Ct. 2857, 49 L.Ed. 2d 844 (1976). Tòa phán rằng pháp qui của tiểu bang Massachusetts đòi hỏi có sự đồng ý của cha mẹ không được rõ ràng về vấn đề quyền của cha mẹ phủ quyết quyết định phá thai của người con vị thành niên cũng như thủ tục qui tị tư pháp (judicial by-pass procedure).

Bằng ý kiến đa số trong vụ *Bellotti v. Baird* (thường được gọi là vụ *Bellotti II*), 443 U.S. 622, 99 S.Ct. 3035, 61 L.Ed. 2d 797 (1979), TCPVHK đã vô hiệu hóa pháp qui của tiểu bang Massachusetts. Mặc dù nhận thấy là các quyền hiến định của vị thành niên, kể cả quyền phá thai, không có phạm vi đồng đẳng với các quyền của người lớn, nhưng các thẩm phán đa số thấy rằng quyền phá thai của vị thành niên chỉ có thể bị giới hạn bằng sự đòi hỏi có sự đồng ý của cha mẹ nếu tiểu bang thiết định một thủ tục để tránh né đòi hỏi này (thủ tục qui tị). Vị thành niên có quyền sử dụng một thủ tục khác để chứng tỏ mình chín chắn và được nói cho biết mọi sự để tự quyết định việc phá thai bằng cách tham khảo với y sĩ của mình, bất kể có sự đồng ý của cha mẹ hay không. Ngay dù không thể tự quyết định cho mình, vị thành niên có quyền chứng tỏ là việc phá thai sẽ có lợi cho mình nhất. Do đó pháp qui đồng ý của vị thành niên phải lập một thủ tục khác thay thế cho sự đồng ý của cha mẹ ngõ hầu có thể vượt qua được tiêu chuẩn hợp hiến.

### **B. Điều Kiện Thông Báo Cho Cha Mẹ**

Một số pháp qui tiểu bang khác không đòi hỏi người con vị thành niên muốn phá thai phải có sự đồng ý của cha mẹ nhưng lại đòi phải thông báo cho cha mẹ biết trước việc phá thai.

Hai năm sau phán quyết *Bellotti II*, trong vụ *H.L. v. Matheson*, 450 U.S. 398, 101 S.Ct. 1164, 67 L.Ed. 2d 388 (1981), TCPVHK đã xét về một pháp qui đòi hỏi thông báo quyết định phá thai cho cha mẹ biết thay vì đòi hỏi sự đồng ý của họ.

TCPVHK đã duy trì một pháp qui của tiểu bang Utah đòi hỏi y sĩ, khi nào có thể được, phải thông báo cho cha mẹ người vị thành niên trước khi thực hiện sự phá thai. Ý kiến của nhóm đa số nhận thấy là sự thông báo này “*tán trợ một mục đích có thể thừa nhận là hợp hiến bằng cách khuyến khích vị thành niên thụ thai không có giá thú tìm sự giúp đỡ và khuyên bảo của cha mẹ trong một quyết định quan trọng là có nên mang thai hay không.*”

Hai thẩm phán Powell và Stewart trong ý kiến đồng ý đã nhấn mạnh rằng một thủ tục qui tị theo các chỉ dẫn của phán quyết *Bellotti II* phải được thêm vào trước khi pháp qui thông báo được coi là hợp hiến.

Gần đây, trong vụ *Planned Parenthood v. Owens*, 287 F. 3d 910 (10th Cir., 2002), Tòa Thượng Thẩm Lưu Động Thứ 10 đã vô hiệu hóa một pháp qui của tiểu bang Colorado đòi hỏi phải thông báo cho cha mẹ biết quyết định phá thai của một người con vị thành niên, bởi vì pháp qui đó đã không qui định ngoại lệ vì lý do sức khỏe.

### **C. Trường Hợp Pháp Qui Đòi Hỏi Cả Sự Đồng Ý Lẫn Thông Báo**

Lại có một số pháp qui tiểu bang qui định việc phá thai của vị thành niên phải được thông báo cho cha mẹ biết và phải có sự đồng ý của họ.

Năm 1990 TCPVHK trong phán quyết *Hodgson v. Minnesota*, 497 U.S. 417, 110 S.Ct. 2926, 111 L.Ed. 2d 344 (1990) đã duy trì một pháp qui đồng ý và thông báo chặt chẽ nhất chưa hề phải xét tới.

Một pháp qui của tiểu bang Minnesota, Minn. Stat. §§ 144.343 (2) - (7) (1988) qui định rằng, với vài ngoại lệ, không được phép thực hiện sự phá thai cho một người nữ dưới 18 tuổi cho tới ít nhất là 48 tiếng đồng hồ sau khi cả cha lẫn mẹ đã được thông báo về quyết định phá thai. Theo tiết 2-4 của pháp qui, việc thông báo này có tính cách bắt buộc, trừ phi: (a) y sĩ phụ trách chứng nhận rằng cần phải thực hiện ngay việc phá thai để tránh cho người nữ khỏi bị chết và không có đủ thời giờ để thực hiện sự thông báo mà luật đòi hỏi; (b) cả hai người cha và mẹ đã đồng ý bằng văn thư; hay (c) người nữ đã khai là nạn nhân của sự ngược đãi hay sự sao lãng của cha mẹ, trong trường hợp này lời khai của người nữ phải được nộp cho nhà chức trách có thẩm quyền.

Nhóm thẩm phán đa số trước hết cứu xét hai lợi ích có liên hệ của tiểu bang: phúc lợi của vị thành niên mang thai và lợi ích của tiểu bang trong việc xúc tiến vai trò của cha mẹ trong việc chăm nom săn sóc dạy dỗ con cái. Tòa thấy rằng phần thông báo cả cha lẫn mẹ của pháp qui, xét theo hiến pháp, đáng bị phản đối trên căn bản là phần này chẳng có giúp gì cho lợi ích hợp pháp của tiểu bang. Tuy nhiên các thẩm phán này quan niệm rằng thủ tục qui tị tư pháp giải trừ trở ngại hiến định và kết luận rằng như vậy là lợi ích của vị thành niên chưa chín chắn được bảo vệ. Tòa cũng phán rằng thời gian chờ đợi 48 tiếng đồng hồ hợp hiến vì nó khiến cho cha mẹ có thời giờ để bàn thảo với con gái vị thành niên và chỉ đặt có một gánh nặng tối thiểu đối với quyền của vị thành niên có nên chấm dứt sự mang thai hay không.

Xin mở một dấu ngoặc ở đây.

Toà thượng thẩm tiểu bang Indiana đã phán rằng một mình cha hay mẹ cũng có đủ tư cách làm giám hộ người con vị thành niên vì mục đích đồng ý việc phá thai của người con khi cả hai người cha mẹ có chung quyền giám hộ pháp định người con gái 16 tuổi của họ, bởi vì sự đồng ý của cả hai người cha và mẹ không cần thiết khi hôn nhân của họ vẫn nguyên vẹn. *S.H. Appellant-Petitioner v. D.H., Appellee-Respondent*, 796 N. E. 2d 1243 (Ind. App. 2003).

#### **D. Thủ Tục Qui Tị Tư Pháp**

Trong vụ *Hodgson, Ohio v. Akron Center for Reproductive Health*, 497 U.S. 502, 110 S.Ct. 2972, 111 L. Ed. 2d 405 (1990), TCPVHK duy trì thủ tục qui tị tư pháp của một pháp qui phá thai của tiểu bang Ohio đòi hỏi phải thông báo cho cha mẹ và phải có sự đồng ý của họ. Tòa từ chối không xét vấn đề pháp qui thông báo cha mẹ có phải có những thủ tục qui tị có thể sánh với pháp qui đòi hỏi sự đồng ý của cha mẹ hay không, mà chỉ kết luận rằng pháp qui đang bị tranh nghị thỏa mãn các đòi hỏi của pháp qui đồng ý nhiều hơn.

Hơn nữa, TCPVHL đã phán trong vụ *Planned Parenthood of Southeastern Pennsylvania v. Casey* (đã xét trong phần III bên trên) rằng:

*“Ngoại trừ trường hợp khẩn cấp y khoa, một người nữ dưới 18 tuổi chưa được thoát quyền không thể được phá thai, trừ phi người đó và một phụ huynh (hay người giám hộ) xuất trình được sự ưng thuận có tri thức... Nếu một người phụ huynh hay giám hộ không thể xuất trình được sự đồng ý, tòa án có thể cho phép thực hiện sự phá thai nếu tòa quyết định rằng người nữ đó chín chắn và có thể đồng ý có tri thức và trong thực tế đã ưng thuận, hay nếu sự phá thai có lợi tốt nhất cho người nữ... Các phán quyết của bản Tòa đã định, và hôm nay bản Tòa tái xác định, rằng tiểu bang có thể đòi hỏi vị thành niên tìm cách phá thai phải được sự đồng ý của một người phụ huynh hay giám hộ, miễn là [tiểu bang] có một thủ tục qui tị tư pháp thích đáng<sup>(6)</sup>. Theo những tiền lệ đó, theo quan điểm của bản Tòa, điều kiện có sự đồng ý của một phụ huynh và thủ tục qui tị là hợp hiến.”*

#### **E. Cha Mẹ Buộc Con Vị Thành Niên Phá Thai**

Sau hết, tòa thượng thẩm của tiểu bang Maryland đã phủ nhận quyền của cha mẹ buộc con gái 16 tuổi đang mang thai phải phá thai. *Matter of Smith*, 16 Md. App. 209, 295 A. 2d 238 (1972).

Tuy nhiên, ngoại trừ phán quyết trên, cho tới nay chưa có một phán quyết nào khác nữa nên chúng ta không rõ quan điểm về vấn đề này của TCPVHK cũng như của các tòa án liên bang và tiểu bang khác ra sao.

Nói tóm lại, qua những phán quyết được trình bày bên trên, cũng như những phán quyết khác căn cứ trên hay theo chiều hướng của những phán quyết này, chúng ta nhận thấy luật lệ của Hoa-kỳ đã nhìn nhận quyền phá thai của vị thành niên mà không cần có sự đồng ý của cha mẹ là quyền được Hiến pháp Hoa-kỳ bảo vệ. Tuy tiểu bang có thể ban hành pháp qui đòi hỏi quyết định phá thai đó phải được thông báo cho cha mẹ, nhưng muốn được hợp hiến, pháp qui phải thiết định thủ tục qui tị tư pháp.

## V. Các Pháp Lệnh về Y Tế và An Toàn

Ngoài việc công nhận quyền của người phụ nữ, kể cả vị thành niên, được tự do chọn phá thai hay giữ thai ra, TCPVHK đã có vài quyết định về một vấn đề không kém quan trọng khác nữa có liên quan tới việc phá thai.

Trong phán quyết *Doe v. Bolton, 410 U.S. 179 (1973)* TCPVHK đã thủ tiêu một điều khoản trong pháp qui phá thai của tiểu bang Georgia đòi hỏi rằng nếu một y sĩ thấy là một người nữ cần phải phá thai thì: (a) việc phá thai phải được thực hiện tại một bệnh viện được một cơ quan tư đặc biệt thừa nhận hợp cách; (b) phải được một tiểu ban của bệnh viện chấp thuận; (c) phải có ít nhất là hai y sĩ khác đồng ý với y sĩ của người mang thai rằng sự phá thai là cần thiết. Tòa đã thuận theo ý kiến của y giới và các cá nhân bác sĩ qui tụ quanh vấn đề bản chất tư sự của quan hệ giữa y sĩ và bệnh nhân, và chỉ vô hiệu hóa những phần quá hạn chế trong pháp qui thôi.

Mười năm sau, trong vụ *City of Akron v. Akron Center for Reproductive Health, 462 U.S. 416 (1983)* TCPVHK đã bác bỏ một điều lệ của thành phố đòi hỏi là bệnh nhân phải được nói cho biết là “*một trẻ chưa sinh ra đã là một mạng sống từ khi bắt đầu kết thai.*” Trong vụ này, Tòa còn phán bất hợp hiến một pháp lệnh của tiểu bang Ohio đòi hỏi rằng mọi việc phá thai sau tam cá nguyệt đầu tiên phải được thực hiện trong một bệnh viện.

Tòa nhận thấy pháp lệnh này không xúc tiến sức khỏe của phụ nữ, bởi vì một vài loại phá thai có thể thực hiện một cách an toàn tại đường ống ít đắt đỏ hơn. Tòa phán rằng trong khi pháp lệnh có thể tăng tiến sự quan tâm của tiểu bang đối với việc phá thai an toàn, pháp lệnh này thực sự ngăn cản những phụ nữ nghèo khiến cho họ không thể phá thai được. Quốc hội tiểu bang có thể quản chế sự phá thai, nhưng không thể đi ra ngoài các thủ tục y khoa đã được công nhận.



Trong vụ này, nữ thẩm phán O'Connor bất đồng ý kiến đối với tiêu chuẩn hiến pháp có thể áp dụng được. Bà lập luận rằng chỉ có thể áp dụng việc kiểm soát chặt chẽ khi một pháp lệnh phiền hà trầm trọng quá đáng, còn những pháp lệnh không phiền hà sẽ hợp hiến nếu hợp lý và có liên hệ hợp lý tới một mục tiêu chính đáng của tiểu bang, là trả lại quyền làm luật về các vấn đề phá thai cho tiểu bang.

TCPVHK, trong phán quyết *Planned Parenthood Association v. Ashcroft*, 462 U.S. 476 (1983), một lần nữa bác bỏ một đòi hỏi của luật tiểu bang là việc phá thai phải được thực hiện trong một bệnh viện được thừa nhận là hợp cách. Mặt khác, Tòa duy trì sự hạn chế của luật của tiểu bang là một y sĩ thứ hai phải hiện diện trong những vụ phá thai để có thể trông nom săn sóc bào thai có thể là vẫn còn sống. Tòa lại còn duy trì một điều khoản đòi hỏi y sĩ bệnh lý (pathologist) đệ trình báo cáo về tế bào trong các vụ phá thai.

## **VI. Việc Xử Dụng Ngân Khoản và Tiện Nghi Công Vào Việc Phá Thai**

Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn cả là vấn đề xử dụng ngân khoản và tiện nghi công vào việc phá thai cho người phụ nữ nghèo.

Theo các điều khoản 42 U.S.C. §§ 300-300a-6 (1988), để có đủ tư cách nhận ngân khoản Medicaid, các tiểu bang phải tạo các kế hoạch để thiết lập các tiêu chuẩn ngõ hầu có thể ấn định phạm vi trợ giúp y tế cho những người nghèo. Một số tiểu bang đã lập các kế hoạch để trợ giúp việc phá thai do y khoa đòi hỏi. Trong vài trường hợp TCPVHK đã xử lý phạm vi, nếu có, mà các tiểu bang phải cho phép sử dụng ngân khoản hay tiện nghi công để giúp những người phụ nữ nghèo không thể trả tiền có thể phá thai.

Trong vụ *Maher v. Roe*, 432 U.S. 464 (1977) liên quan đến khiếu nại rằng một kế hoạch của tiểu bang không tài trợ qua Medicaid các vụ phá thai không phải là để trị liệu (non-therapeutic abortions) là chương ngại bất hợp hiến cho quyền phá thai, TCPVHK đã duy trì quyết định của tiểu bang. Tòa giải thích rằng phán quyết *Roe v. Wade* bảo đảm sự tự do lựa chọn có nên phá thai hay không, chứ không bảo đảm quyền được phá thai.

Tòa tỏ ra đã lùi một bước đối với việc phân tích một sự kiểm tra nghiêm ngặt đề ra trong phán quyết *Roe v. Wade* khi đóng khung quyết định của Tòa bằng quan điểm bảo vệ phụ nữ không để cho bị ngăn cản trầm trọng bất xứng đối với việc tự do quyết định có nên chấm dứt sự thai nghén hay không. Tòa phán rằng kế hoạch của tiểu bang không can thiệp vào sự tự do đó. Sau khi đưa ra

nhận xét là các tiểu bang không bắt buộc phải trả bất cứ một phí tổn y khoa nào cho người nghèo, Tòa đã kết luận rằng các tiểu bang không bị cấm phán đoán giá trị nghiêng về việc sinh con, chứ không phải là phá thai, và có thể cấp ngân khoản công theo đó.

Thẩm phán Brennan bất đồng ý kiến với phán quyết này. Theo ông, quan điểm của Tòa lộ cho thấy một sự vô tình nguy hiểm đối với tình cảnh người phụ nữ nghèo mang thai, với kết quả là người nghèo không có khả năng thực tế nào để hành xử quyền hiến định tự do chọn phá thai.

TCPVHK còn đưa ra những hạn chế tương tự trong hai phán quyết khác ban cùng năm.

Trong phán quyết *Beal v. Doe*, 432 U.S. 438 (1977), TCPVHK kết luận rằng các tiểu bang có quyền rộng rãi tự ý quyết định trị liệu y khoa nào cần thiết, hợp lý và không cần phải tài trợ các vụ phá thai không cần thiết.

Còn trong phán quyết *Poelker v. Doe*, 432 U.S. 519 (1977), Tòa phán rằng một bệnh viện thành phố có thể từ chối các dịch vụ bệnh viện công cộng cho những vụ phá thai.

Rồi ba năm sau, trong phán quyết *Harris v. McRae*, 448 U.S. 297 (1980), TCPVHK nói rộng phán quyết *Maher* để duy trì Tu Chính Án Hyde. Tu chính án này hạn chế việc bồi hoàn bằng ngân khoản Medicaid liên bang cho những loại phá thai có giới hạn, ngoại trừ một vài vụ phá thai y khoa cần thiết nếu sức khỏe của người phụ nữ lâm nguy. Pub. L. No. 94-439, § 209, 90 Stat. 1434 (1976). Tu Chính Án Hyde còn được tu chính hơn nữa để giới hạn những vụ phá thai do liên bang tài trợ nào trong những trường hợp mạng sống của người mẹ có thể lâm nguy nếu sự mang thai tiếp tục. Pub. L. No. 97-377 § 204, 96 Stat. 1894 (1982).

Tuy nhiên, Tòa Lưu Động thứ 8 đã phân biệt phán quyết *Poelker* trong vụ *Nyberg v. City of Virginia*, 667 F. 2d 754 (8th Cir. 1982). Tòa này đã nhận xét có một “sự khác biệt căn bản giữa việc cung cấp ngân khoản trực tiếp để ảnh hưởng quyết định phá thai và việc cho phép các y sĩ nhân viên thực hiện việc phá thai ở một bệnh viện công hiện hữu”, và Tòa đã duy trì lệnh cưỡng chế (injunction) buộc một bệnh viện thành phố cho phép các y sĩ nhân viên của bệnh viện thực hiện các sự phá thai có trả tiền nếu họ muốn như vậy.

Rồi đến năm 1991, vụ *Rust v. Sullivan*, 500 U.S. 173 (1991) có liên quan tới những người được hưởng ngân khoản theo Thiên X của **Luật Dịch vụ Y tế Công cộng** (Public Health Service Act), 84 Stat. 1506, 42 U.S.C §§ 300-300a-6 (1970).

Xin mở một dấu ngoặc ở đây.

Thiên X này qui định việc cung cấp ngân khoản liên bang cho những dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Các trợ kim và các kế ược trong phạm vi Thiên X phải được thực hiện y chiếu các pháp lệnh mà Bộ trưởng Y tế và Nhân sự ban bố. Một điều khoản của luật này qui định rằng *“không một ngân khoản nào phát ra theo tiết này được phép dùng trong những chương trình trong đó việc phá thai là một phương pháp kế hoạch hóa gia đình.”* 42 U.S.C. § 300a-6.

Các người được hưởng ngân khoản theo Thiên X và các y sĩ quản lý phản đối giá trị biểu diện của những pháp lệnh mới mà họ cho là giới hạn khả năng của những người được hưởng ngân khoản theo Thiên X được dự vào những hoạt động có liên hệ tới việc phá thai. Pháp lệnh này cấm các kế hoạch theo Thiên X không được cung cấp cố vấn liên quan đến việc phá thai và giới thiệu phá thai như là một phương pháp kế hoạch hóa gia đình; cấm một cách qui mô các kế hoạch theo Thiên X không được tham dự vào bất cứ hoạt động nào *“khuyến khích, xúc tiến, đề xướng phá thai như là một phương pháp kế hoạch hóa gia đình”*; và đòi hỏi các kế hoạch theo Thiên X phải *“tách biệt về vật chất và tài chính”* với các loại hoạt động bị cấm này. TCPVHK đã từ chối không vô hiệu hóa những pháp lệnh này bởi vì nó đã tạo nên một kiến trúc hợp lý cho pháp qui và không can thiệp vào ý chỉ minh thị của Quốc hội.

Tòa phán rằng các pháp lệnh này không vi phạm Tu Chính Án thứ 1 bằng cách kỳ thị một cách không thể chấp nhận được trên căn bản ý kiến; thực ra, những pháp lệnh này là những quyết định chính đáng đối với việc tài trợ chương trình, nhằm khuyến khích các hoạt động làm lợi cho công chúng. Tòa nhận rằng pháp lệnh cấm những hoạt động có liên hệ đến việc phá thai chỉ như là một *“phương pháp kế hoạch hóa gia đình”*, chứ không ngăn cấm các kế hoạch theo Thiên X tham dự các hoạt động khác. Tòa phân biệt sự cụ tuyệt các lợi ích với sự từ chối phân phối công khoản cho một mục đích đặc biệt. Cuối cùng, Tòa phán rằng quyền của người đàn bà chọn phá thai không bị xâm phạm, bởi vì việc người đó không thể sử dụng cố vấn về phá thai của một kế hoạch theo Thiên X *“không khiến bà ta ở một tình trạng khác hơn là tình trạng nếu chính phủ không ban hành Thiên X.”*

Thẩm phán Blackmun bất đồng ý kiến. Ông lập luận rằng pháp lệnh đang được Tòa xét xử ở đây *“rõ ràng là căn cứ vào quan điểm”* (clearly viewpoint-based) và là một điều kiện bất hợp hiến đối với việc sử dụng công cộng. Thẩm phán Marshall cũng bất đồng ý kiến, và một phần nào hai thẩm phán Stevens và O'Connor cũng vậy. Nữ thẩm phán O'Connor muốn thủ tiêu pháp lệnh này chỉ trên căn bản là pháp lệnh không giải thích hợp lý pháp qui.

Ngoài ra, trong phán quyết *Britell v. United States*, 204 F. Supp. 182 (D. Mass. 2002), một tòa án địa phương liên bang đã phán rằng pháp qui liên bang cấm sử dụng ngân khoản của bộ Quốc phòng vào việc phá thai trừ phi mạng sống của người mẹ lâm nguy là bất hợp hiến tới mức độ pháp qui này ngăn cản trang trải các phí tổn phá thai được yêu cầu vì cái thai không có óc hình dạng dị thường (vô não ki hình thai, anencephalic fetus) không có hy vọng sống bên ngoài tử cung.

## Chú Thích

(1) Tới đây TCPVHK dẫn hai phán quyết *Griswold v. Connecticut*, 381 U.S. 479, 85 S. Ct. 1678, 14 L. Ed. 2d 510 (1965); và *Maynard v. Hill*, 125 U.S. 190, 8 S. Ct. 723, 31 L. Ed. 654 (1888).

(2) Tới đây TCPVHK dẫn phán quyết *Eisenstadt v. Baird*, 405 U.S. 438, 92 S. Ct. 1029, 31 L. Ed. 2d 349 (1972).

(3) Bốn điều kia là: điều 3205 qui định việc người phụ nữ muốn phá thai phải nói rõ đồng ý có tri thức (*informed consent*) trước khi thực hiện việc phá thai; điều 3206 qui định là vị thành niên phá thai phải có sự đồng ý có tri thức của cha hoặc mẹ; các điều 3207 (b), 3214(a) và (b) qui định một vài điều kiện về việc báo cáo của các cơ sở thực hiện việc phá thai.

(4) Tới đây TCPVHK dẫn phán quyết *Bellotti v. Baird*, 428 U.S. 132, 96 S.Ct. 2857, 49 L.Ed. 2d 844 (1976). Phán quyết này thường được dẫn là *Bellotti I* để phân biệt với phán quyết *Bellotti v. Baird*, 443 U.S. 622, 99 S.Ct. 3035, 61 L.Ed. 2d 797 (1979) thường được dẫn là *Bellotti II*.

(5) Phán quyết *Roe* là phán quyết *Roe v. Wade* đã đề cập tới trong phần II; còn phán quyết *Doe* là phán quyết *Doe v. Bolton*, 410 U.S. 179, 93 S. Ct. 739, 35 L.Ed. 2d 201 (1973).

(6) Tới đây TCPVHK dẫn các phán quyết sau làm thí dụ: *City of Akron v. Akron Center for Reproductive Health, Inc.* (thường được dẫn là phán quyết *Akron I*), 462 U.S. 416, 103 S.Ct. 2481, 76 L.Ed. 2d 687 (1983); *Ohio v. Akron Center for Reproductive Health* (thường được dẫn là phán quyết *Akron II*), 497 U.S. 502, 110 S.Ct. 2972, L.Ed. 2d 405 (1990); *Hodgson v. Minnesota*, 497 U.S. 417, 110 S.Ct. 2926, 111 L.Ed. 2d 344 (1990); *Bellotti II* (ý kiến đa số).